TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-6-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng.

2. Ông Nguyễn Vũ Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Yến N, sinh năm 1988; địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; chổ ở: Khóm I, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Thành T, sinh năm 1988; địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Yến N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T sống chung năm năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân thị trấn S theo quy định pháp luật, hiện vợ chồng đã ly thân nhau. Chị cho rằng cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 người con chung Phạm Phan Kỳ D, sinh ngày 19/3/2016 và Phạm Phúc T1, sinh ngày 30/10/2020 hiện đang sống cùng với chị, chị yêu cầu

trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc riêng, chị yêu cầu tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Phạm Thành T đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh T có nơi cư trú tại thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ những vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S vào năm 2015 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện anh chị đã ly thân nhau. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn, anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung Phạm Phan Kỳ D, sinh ngày 19/3/2016 và Phạm Phúc T1, sinh ngày 30/10/2020 hiện đang sống cùng với chị N. Xét thấy, việc giao con chung cho người nào trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của các bên và cần duy trì sự ổn định trong cuộc sống vốn có của các cháu, hiện các cháu đang sống cùng với chị N do chị trực tiếp nuôi dưỡng, toà án có ghi nhận nguyện vọng của cháu D và cháu có nguyện vọng được sống cùng với chị N nên cần duy trì sự ổn định cuộc sống vốn có đối với các cháu là cần thiết; anh T vắng mặt, không gởi ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chủa chị N. Đo đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp

với kiện cụ thể các bên, đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng: Chị N xác định không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung; đây là ý chí tự nguyện của chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có phát sinh về tài sản chung, nợ chung thì các bên có quyền khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận ly hôn giữa chị Phan Yến N và anh Phạm Thành T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Phan Kỳ D, sinh ngày 19/3/2016 và Phạm Phúc T1, sinh ngày 30/10/2020 cho chị Phan Yến N trực tiếp nuôi dưỡng; anh Phạm Thành T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; anh Phạm Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phan Yến N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004977 ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp